

Bản tin

THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

BAN CHỈ ĐẠO BỘ CÔNG THƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

SỐ 4 NĂM 2021

THÁNG 4/2021

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:



Cục Công Thương địa phương



Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại

Giấy phép xuất bản:
Số 55/GP-XBBT
Cấp ngày 11/8/2020

Ý kiến phản hồi đề nghị liên hệ:
Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại

Địa chỉ:
Tầng 6 - 655 Phạm Văn Đồng,
Bắc Từ Liêm - Hà Nội
Tel: (024) 37152585
Fax: (024) 37152574

MỤC LỤC

- 2 **TỔNG QUAN**
- 2 **THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA**
- 3 Giá nhiều mặt hàng nông, lâm, thủy sản giảm trong tháng 4/2021
- 5 Chi phí logistics và công nghệ bảo quản là những vướng mắc lớn nhất trong việc đẩy mạnh tiêu thụ nông sản
- 2 **THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU**
- 7 Xuất khẩu nhiều mặt hàng nông, lâm, thủy sản trong tháng 4/2021 sụt giảm
- 11 Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường Mỹ tiếp tục đà tăng trưởng
- 15 Thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường Australia
- 2 **THÔNG TIN SẢN XUẤT - XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI**
- 18 Tỉnh Long An phát triển nông nghiệp hiện đại gắn với xây dựng thương hiệu nông, thủy sản
- 20 Tây Ninh khánh thành nhà máy ấp trứng gà trị giá 200 tỷ đồng
- 20 Phát triển thương hiệu tập thể Nước mắm Nam Ô
- 21 Hội nghị giao thương trực tuyến xúc tiến thương mại và hợp tác doanh nghiệp Việt Nam- Ấn Độ 2021
- 22 Doanh nghiệp tại Osaka, Nhật Bản cần tìm đối tác cung cấp ớt bột của Việt Nam
- 2 **THÔNG TIN CHÍNH SÁCH**
- 23 Doanh nghiệp xuất khẩu thực phẩm hỗn hợp sang EU lưu ý cập nhật quy định mới
- 23 Algeria yêu cầu các ngân hàng cảnh giác hơn trong việc mở L/C
- 2 **THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THẾ GIỚI**
- 24 Nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Braxin tăng 14,6% trong 2 tháng đầu năm 2021
- 26 Giá nông sản thế giới bật tăng trở lại trong tháng 4/2021
- 28 **TIN VẮN**

Tại thị trường trong nước, tính đến tuần cuối tháng 4/2021, giá nhiều mặt hàng nông, thủy sản đã giảm trở lại do nhu cầu tiêu thụ khá thấp từ các thị trường trong bối cảnh tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp tại nhiều quốc gia và hoạt động logistics gặp nhiều trở ngại. Trong đó, giá lúa gạo đã giảm từ 8-11% so với cùng kỳ tháng trước do giá xuất khẩu giảm. Trong tháng 4/2021, hoạt động giao dịch trên thị trường gạo thế giới diễn ra chậm do các nhà nhập khẩu chờ giá giảm thêm sau khi liên tục tăng trong 3 tháng đầu năm 2021, khiến giá gạo xuất khẩu của Việt Nam điều chỉnh giảm 4,2% so với tháng 3/2021 xuống mức bình quân 517 USD/tấn. Đối với mặt hàng thủy sản, giá cá ngừ vây và mực ống tại Đà Nẵng giảm 16,7 - 20% so với tháng trước, trong khi giá tôm càng xanh (loại 15 - 25 con/kg) tại Đồng Tháp tăng 9,1% lên mức 240.000 đồng/kg. Ngoài ra, giá hạt điều và hạt tiêu cũng chung xu hướng giảm. Trong thời gian tới, giá nông, thủy sản tại thị trường trong nước tiếp tục phụ thuộc vào tình hình cung - cầu thị trường thế giới cũng như diễn biến của dịch Covid-19.

Xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản trong tháng 4/2021 đã có tín hiệu "chững lại" trước sức ép bùng phát trở lại của dịch Covid-19 và những khó khăn trong hoạt động vận chuyển hàng hóa. Theo số

liệu ước tính, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này trong tháng 4/2021 đạt 3,37 tỷ USD, giảm 14,4% so với tháng trước. Trong đó, hầu hết các mặt hàng đều giảm về cả lượng và kim ngạch xuất khẩu, chỉ có một số ít mặt hàng tăng gồm hạt tiêu, chè và gạo. Tính chung trong 4 tháng đầu năm 2021, tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản ước đạt 12,24 tỷ USD, tăng 20,8% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 12,8% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam, thấp hơn so với mức tỷ trọng chiếm 13,5% cùng kỳ năm trước.

Đáng chú ý, xuất khẩu gạo trong tháng 4/2021 đã phục hồi trở lại sau khi sụt giảm mạnh trong 3 tháng đầu năm 2021 trong bối cảnh nguồn cung lúa gạo gia tăng do vụ thu hoạch lúa Đông Xuân tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long bước vào đợt cao điểm. Tổng lượng xuất khẩu gạo trong tháng 4/2021 ước đạt 700 nghìn tấn, trị giá 362 triệu USD, tăng 29,9% về lượng và tăng 24,5% về trị giá so với tháng trước, đưa tổng lượng gạo xuất khẩu trong 4 tháng đầu năm 2021 ước đạt 1,89 triệu tấn, trị giá hơn 1 tỷ USD, giảm 10,8% về lượng nhưng vẫn tăng 1,2% về kim ngạch do giá xuất khẩu ở mức cao. Bình quân trong 4 tháng qua, giá xuất khẩu gạo đạt 534 USD/tấn, tăng 13,4% so với cùng kỳ năm trước.

MỘT SỐ THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý:

► Trong quý I/2021, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ đạt 2,97 tỷ USD, tăng 49,4% so với cùng kỳ năm 2020 và Mỹ đứng đầu về thị trường xuất khẩu nhóm hàng này của Việt Nam. Trong đó, gỗ và sản phẩm gỗ chiếm tới 77,4% với kim ngạch đạt gần 2,3 tỷ USD.

► Thương vụ Việt Nam tại Thụy Điển và một số nước châu Âu thông báo việc Liên minh châu Âu (EU) áp dụng quy định mới (EU) 2020/2236 về thay đổi cách tiếp cận kiểm soát thực phẩm hỗn hợp nhập khẩu từ bên ngoài vào EU.

GIÁ NHIỀU MẶT HÀNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN GIẢM TRONG THÁNG 4/2021



Trong tháng 4/2021, giá gạo, nhân điều, hạt tiêu và một số loại thủy sản ghi nhận sự sụt giảm so với tháng trước.

+ Mặt hàng gạo: Giá lúa gạo tại Đồng bằng sông Cửu Long giảm 500 – 1.000 đồng/kg so với tháng trước. Tại An Giang, tính đến ngày 24/4/2021, giá lúa IR 50404 dao động ở mức 5.900 - 6.000 đồng/kg, giảm 700 đồng/kg so với cuối tháng 3/2021; OM 9582 giá 6.000 - 6.100 đồng/kg, giảm 550 đồng/kg; Đai thơm 8 có giá 6.300 - 6.400 đồng/kg, giảm 400 – 500 đồng/kg; OM 5451 có giá 6.000 - 6.100 đồng/kg, giảm 600 – 700 đồng/kg; OM 18 giá 6.000 đồng/kg, giảm 600 đồng/kg; OM 9577 giá 6.100 đồng/kg; lúa Nhật giá 7.500 - 7.600 đồng/kg; nếp vỏ tươi có giá 5.000 - 5.100 đồng/kg; giá lúa nếp Long An dao động ở mức 5.100 - 5.500 đồng/kg.

Gạo IR 504 cũng giảm giá 1.000 – 1.100 đồng/kg so với cuối tháng 3/2021 xuống còn 8.600 đồng/kg; giá gạo TP IR 504 ở mức 10.100 đồng/kg, giảm 900 đồng/kg. Giá tấm IR 504 ở mức 8.400 đồng/kg, giảm 800 đồng/kg; cám vàng có giá 6.200 đồng/kg, giảm 600 đồng/kg.

Giá chào bán gạo trắng 5% tấm của Việt Nam trên thị trường quốc tế cũng giảm từ mức cao nhất 9 năm (515 – 520 USD/tấn) của tháng trước, xuống chỉ còn 485 – 495 USD/tấn trong cuối tháng 4/2021. Các doanh nghiệp xuất khẩu gạo đang tập trung vào hoàn thành các hợp đồng đã ký với các khách hàng tại Cuba, Bangladesh và Syria.

+ Mặt hàng hạt tiêu: Sau khi tăng rất mạnh trong tháng 3/2021, giá hạt tiêu có dấu hiệu hạ nhiệt trong tháng 4/2021. Cụ thể, tính đến ngày 24/4/2021, giá hạt tiêu tại các tỉnh Tây Nguyên ở mức 69.000 đồng/kg, giảm 3.000 đồng/kg so với cuối tháng 3/2021 nhưng vẫn tăng tới 29.500 đồng/kg so với cùng kỳ năm ngoái. Thị trường hạt tiêu trong tháng 4/2021 hạ nhiệt do nhu cầu tiêu thụ từ các thị trường đang khá chậm, đặc biệt là từ châu Âu và Mỹ khi tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp tại nhiều quốc gia. Mặt khác, xuất khẩu cũng gặp khó khăn do giá cước vận tải vẫn tiếp tục tăng mặc dù sự cố kênh đào Suez đã được giải quyết. Hiện tại, nông dân đã chào bán nhiều nguyên liệu ra thị trường nhưng cả người mua và người bán đều rất thận trọng.

+ Mặt hàng cà phê: Tính đến ngày 24/4/2021 giá cà phê nhân xô tại các tỉnh Tây Nguyên đạt cao nhất là 33.000 đồng/kg, tăng nhẹ 100 đồng/kg so với cuối tháng 3/2021. Theo Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO), xuất khẩu cà phê toàn cầu trong 5 tháng đầu niên vụ 2020-2021 (tháng 10/2020 đến tháng 2/2021) đạt 52,8 triệu bao, tăng 2,5% so với cùng kỳ niên vụ 2019-2020. Có thể thấy nhu cầu cà phê thế giới tương đối khả quan, nhưng tình trạng thiếu container rỗng và giá cước vận tải biển tăng cao đã ảnh hưởng khá



nhiều đến xuất khẩu cà phê của Việt Nam. Theo ước tính, xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2021 đạt 563 nghìn tấn, trị giá 1,02 tỷ USD, giảm 17,6% về lượng và giảm 11,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

+ Mặt hàng thủy sản: Tại Đồng Tháp, giá cá tra thịt trắng loại 1 trong tháng 4/2021 ổn định ở mức 21.500 đồng /kg. Trong khi đó, giá tôm càng xanh (loại 15 – 25 con/kg) tăng 20.000 đồng/kg lên mức 240.000 đồng/kg.

Ngược lại, giá cá ngừ vằn và mực ống tại Đà Nẵng giảm 10.000 – 20.000 đồng/kg so với tháng trước.

Giá cá tra nguyên liệu có thể tăng trong thời gian tới do thị trường tiêu thụ

mặt hàng này có nhiều tín hiệu khởi sắc; trong đó, các thị trường Trung Quốc, Mỹ, EU, Đông Nam Á... bắt đầu có nhiều đơn đặt hàng hơn.

Tỉnh Đồng Tháp đã hình thành các vùng sản xuất cá tra chuyên canh tập trung quy mô lớn tại các huyện Thanh Bình, Tam Nông, Tân Hồng, Châu Thành và huyện Cao Lãnh. Các vùng sản xuất đã được cấp 368 mã số nhận diện ao nuôi cá tra thương phẩm với diện tích hơn 1.509 ha; sản xuất theo quy trình, quy chuẩn VietGAP, GlobalGAP, ASC và tương đương với diện tích 827 ha, chiếm trên 55% diện tích nuôi.

Giá tôm nhiều khả năng cũng duy trì ở mức cao đến giữa quý II/2021, nhưng triển vọng cũng phụ thuộc vào tình hình cung – cầu thị trường cũng như diễn biến của dịch Covid-19.

Tham khảo giá nông, lâm, thủy sản tại thị trường trong nước ngày 24/4/2021

Tên hàng	Ngày 24/4/2021 (đ/kg)	So với ngày 24/3/2021 (%)	So với cuối năm 2020 (%)	So với cùng kỳ 2020 (%)
Gạo NL IR 504	8.600	-11,3	-11,3	3,6
Gạo thành phẩm IR 504	10.100	-8,2	-8,2	2,0
Tấm gạo IR 504	8.400	-8,7	-16,0	15,1
Cám vàng	6.200	-8,8	-8,8	10,7
Cà phê nhân xô tại Tây Nguyên	33.000	0,3	-4,3	11,9
Giá nhân điều tươi tại Bình Phước	20.000	-23,1		29,0
Giá nhân điều khô tại Bình Phước	30.000	0,0		
Giá nhân điều xô tại Bình Phước	32.000	0,0	0,0	14,3
Điều W240	27.000	-10,0	-3,6	-10,0
Điều W 320	29.000	-9,4	-3,3	0,0
Tiêu đen Tây Nguyên và Nam Bộ	69.000	-4,2	27,8	74,7
Sắn lát trừ độ bột 30% tại miền trung Tây Nguyên	2.750	0,0	19,6	27,9
Sắn lát trừ độ bột 30% tại Tây Ninh	3.400	0,0	23,6	23,6
Sắn lát trừ độ bột 30% tại miền Bắc (mua xô)	2.800	0,0	55,6	55,6
Cá tra thịt trắng loại 1 tại Đồng Tháp	21.500	0,0	2,4	16,2
Tôm càng xanh tại Đồng Tháp (15 - 25con/kg)	240.000	9,1	20,0	20,0
Cá ngừ vằn tại Đà Nẵng	40.000	-20,0	-20,0	-20,0
Mực ống tại Đà Nẵng (17 - 24 cm/con)	100.000	-16,7	0,0	11,1
Tôm sú tại Đà Nẵng (25 - 30 con/kg)	220.000	0,0	0,0	10,0
Tôm chân trắng tại Đà Nẵng (60 con/kg)	125.000	0,0	4,2	13,6

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

CHI PHÍ LOGISTICS VÀ CÔNG NGHỆ BẢO QUẢN LÀ NHỮNG VƯỚNG MẮC LỚN NHẤT TRONG VIỆC ĐẨY MẠNH TIÊU THỤ NÔNG SẢN

Trong những năm gần đây, hàng nông sản Việt Nam đang dần khẳng định vị thế tại các thị trường có yêu cầu chất lượng cao như EU, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc... Hiện xuất khẩu nông sản Việt Nam đang đi đúng hướng khi tập trung nâng cao chất lượng và hướng vào những phân khúc thị trường tiềm năng để nâng cao giá trị xuất khẩu. Tuy nhiên, để đạt mục tiêu xuất khẩu năm 2021 là 15 tỷ USD và hướng tới mục tiêu xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp đạt 50-51 tỷ USD trong năm 2025 và đến năm 2030 là 60-62 tỷ USD (theo Đề án nâng cao năng lực cạnh tranh các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt), đồng thời tiếp tục nâng cao vị thế nông sản Việt Nam trên thị trường quốc tế..., ngành nông nghiệp vẫn còn rất nhiều vấn đề cần xử lý và vượt qua.



Chi phí logistics đang ở mức cao

Một trong những nguyên nhân khiến nông sản xuất khẩu của Việt Nam khó phát huy được lợi thế cạnh tranh với các mặt hàng tương tự của Trung Quốc, Thái Lan, Indonesia, Philippin là do chi phí logistics ở mức cao, phụ thuộc vào các hãng vận chuyển nước ngoài. Từ cuối năm 2020 đến nay, chi phí logistics sang nhiều thị trường, đặc biệt là sang một số

thị trường trọng điểm như Mỹ hay châu Âu tăng mạnh do ảnh hưởng của dịch Covid-19 và tình trạng thiếu container rỗng kéo dài. Hiện chi phí này chiếm 30% giá thành sản phẩm trong khi Thái Lan là 12,5% và thế giới 14%.

Có thể nói, chi phí logistics cao thực sự là bài toán khó giải, làm giảm khả năng cạnh tranh của xuất khẩu nông sản. Trong đó, chi phí vận tải chiếm tỷ lệ lớn nhất (khoảng 60%) do chưa áp dụng hiệu quả vận tải đa phương thức, phụ thuộc quá nhiều vào đường bộ có cước vận chuyển cao, trong khi các phương thức rẻ hơn như đường thủy, đường sắt lại chưa được ưu tiên phát triển. Nguyên nhân chính đẩy chi phí vận tải trong hoạt động logistics ở Việt Nam cao do chất lượng hạ tầng dù đã được đầu tư nhưng chưa đáp ứng được thực tế phát triển. Ngoài ra, tại nhiều địa phương trên cả nước chưa có những chính sách kêu gọi đầu tư cơ sở hạ tầng, sử dụng dịch vụ hấp dẫn và mang tính đột phá, dẫn đến tình trạng đầu tư phát triển hệ thống logistics nhỏ lẻ, chậm trễ và kém hiệu quả.

Công nghệ chế biến còn yếu

Trong bối cảnh thiếu container, thời gian vận chuyển kéo dài và đại dịch Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp, công nghệ chế biến, bảo quản giúp hàng nông sản giữ được chất lượng lâu hơn nhằm tăng khả năng cạnh tranh là vô cùng quan trọng. Trong khi đó, nhiều mặt hàng nông sản, đặc biệt là trái cây có công nghệ bảo quản chưa cao nên phải đi bằng đường hàng không, dẫn tới sản lượng xuất khẩu giảm do chi phí quá cao bởi cước vận chuyển đường hàng không cao gấp 15 lần đường biển.

Nguyên nhân chính dẫn đến việc công nghệ bảo quản chưa thực sự được đầu tư

bài bản bởi công nghệ bảo quản cần đồng bộ chứ không đơn giản chỉ đầu tư kho bảo quản. Trước tiên từ giống, canh tác đến thu hoạch và các vấn đề khác. Trong những năm gần đây, rất nhiều doanh nghiệp muốn tăng năng suất, mở rộng cơ sở sản xuất chế biến nông sản nhưng hiện nay các vùng trồng để cung cấp nguyên liệu chưa theo kịp đà phát triển của nhà máy. Nguồn nông sản đầu vào, đặc biệt là trái cây vẫn chưa đủ để đáp ứng yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm. Vì vậy dẫn tới tình trạng nhà máy muốn sản xuất nhưng nguồn nguyên liệu lại không đủ và thiếu đồng bộ về chất lượng. Bên cạnh đó, một số doanh nghiệp còn gặp khó khăn về vốn nên chưa thể đầu tư các dây chuyền, công nghệ mới nhất.

Hiện hầu hết kho bảo quản tại các địa phương chỉ phục vụ vào thời gian cao điểm khi thu hoạch rộ hoặc vài ngày trong thời gian gom đủ hàng. Vì vậy, các doanh nghiệp đầu tư cho thuê kho đều tính toán rất kỹ để bảo đảm hiệu quả kinh doanh nên số lượng dự án đầu tư vào lĩnh vực này chưa nhiều.

Để đạt được những mục tiêu đặt ra và đưa nông sản Việt Nam thâm nhập sâu hơn vào các thị trường có vị trí địa lý xa và tiêu chuẩn chất lượng cao, các doanh nghiệp cần tập trung phát triển công nghệ bảo quản, công nghệ chế biến hiện đại, hiệu quả theo đúng tiêu chuẩn từ phía các thị trường nhập khẩu lớn, tiềm năng, đồng thời, hình

thành khối thị trường bền vững tại nhiều quốc gia, tránh tình trạng phụ thuộc quá nhiều vào các thị trường truyền thống.

Trước thực trạng này, nhằm thúc đẩy ngành công nghiệp chế biến nông sản nói chung và rau quả nói riêng và góp phần giảm chi phí logistics, cuối tháng 3/2021, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án Phát triển ngành chế biến rau quả giai đoạn 2021-2030 với mục tiêu đến năm 2030, toàn ngành xuất khẩu được 8-10 tỷ USD (từ mức 3,26 tỷ USD năm 2020). Đề án cũng đặt mục tiêu tổn thất sau thu hoạch giảm 1%/năm với hơn 70% cơ sở bảo quản, chế biến rau quả đạt trình độ và năng lực công nghệ sản xuất tiên tiến; đồng thời, nâng tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm rau quả chế biến đạt 30% trở lên; công suất chế biến rau quả đạt 2 triệu tấn sản phẩm/năm, gấp gần 2 lần so với năm 2020.

Để đạt những mục tiêu trên, nhiệm vụ của Đề án là đẩy mạnh đầu tư nâng cao năng lực chế biến rau quả; phát triển cơ sở sơ chế, bảo quản rau quả tươi; đẩy mạnh chế biến các sản phẩm rau quả chủ lực, sản phẩm có giá trị gia tăng cao; tổ chức sản xuất rau quả nguyên liệu phục vụ chế biến; phát triển thị trường tiêu thụ rau quả. Trong đó, xây dựng hệ thống cơ sở sơ chế, đóng gói và kho mát bảo quản rau quả tươi có quy mô và trang thiết bị phù hợp với sản lượng và đặc tính cho các loại rau quả chủ lực nhằm giảm nhanh tổn thất sau thu hoạch.

Thu hút mạnh đầu tư để đến năm 2030, đảm bảo tại những khu vực sản xuất rau quả tập trung, hợp tác xã sản xuất và tại các cơ sở, đại lý thu gom lớn được đầu tư máy móc, trang thiết bị, xưởng sơ chế, đóng gói và kho mát với quy mô phù hợp để hình thành hệ thống các cơ sở sơ chế, đóng gói đồng bộ...



XUẤT KHẨU NHIỀU MẶT HÀNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN TRONG THÁNG 4/2021 SỤT GIẢM



Sau khi đạt tốc độ tăng trưởng tích cực trong tháng 3/2021, xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản trong tháng 4/2021 đã có tín hiệu “chững lại” trước sức ép bùng phát trở lại của dịch Covid-19. Theo số liệu ước tính, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này trong tháng 4/2021 đạt 3,37 tỷ USD, giảm 14,4% so với tháng trước nhưng vẫn tăng 23,1% so với tháng 4/2020. Nếu so với tháng trước, hầu hết các mặt hàng đều giảm về cả lượng và kim ngạch xuất khẩu, chỉ có một số ít mặt hàng tăng gồm hạt tiêu, chè và gạo. Trong đó, cà phê, sắn và các sản phẩm từ sắn, cao su, gỗ và sản phẩm gỗ là những mặt hàng giảm mạnh trên 20%.

Đáng chú ý, xuất khẩu gạo trong tháng 4/2021 đã phục hồi trở lại sau khi sụt giảm mạnh trong 3 tháng đầu năm 2021 trong bối cảnh nguồn cung lúa gạo gia tăng do vụ thu hoạch lúa Đông Xuân tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long bước vào đợt cao điểm. Tổng lượng xuất khẩu gạo trong tháng 4/2021 ước đạt 700 nghìn tấn, trị giá 362 triệu USD, tăng 29,9% về lượng và tăng 24,5% về trị giá so với tháng trước. So với cùng kỳ năm trước, xuất khẩu gạo trong tháng 4/2021 cũng tăng tới 31,7% về lượng và 36,5% về trị giá.

Tính chung trong 4 tháng đầu năm 2021, tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản ước đạt 13,24 tỷ USD, tăng 20,8% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 12,8% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam, vẫn thấp hơn so với mức tỷ trọng chiếm 13,5% của cùng kỳ năm trước.

Trong 4 tháng qua, xuất khẩu hầu hết các mặt hàng nông, lâm, thủy sản đều tăng tốc ngoại trừ hạt điều và cà phê giảm do gặp khó khăn trong vận chuyển và hầu hết các thị trường tiêu thụ chính của hai mặt hàng này đều giảm nhập khẩu đáng kể do ảnh hưởng bởi làn sóng dịch Covid-19 bùng phát trở lại, khiến nhiều khu vực buộc phải tăng cường các biện pháp kiểm soát và phong tỏa đã kéo theo nhu cầu tiêu thụ suy yếu.

Trong khi đó, cao su vẫn là mặt hàng có tốc độ tăng trưởng mạnh nhất với lượng xuất khẩu trong 4 tháng đầu năm 2021 ước đạt 486 nghìn tấn, trị giá 818 triệu USD, tăng 79,6% về lượng và tăng 111,7% về kim ngạch so với cùng kỳ năm trước. Giá xuất khẩu cao su bình quân trong 4 tháng qua ước đạt 1.681 USD/tấn, tăng 17,9% so với cùng kỳ năm trước trong bối cảnh kinh tế toàn cầu có xu hướng tăng tốc, hoạt động sản xuất tại nhiều quốc gia, đặc biệt là Mỹ và Trung Quốc phục hồi rõ nét và là động lực của sản xuất toàn cầu, dẫn đến nhu cầu tiêu thụ cao su tăng mạnh trở lại.

Bên cạnh đó, giá cao su trên thế giới cũng đang vào thời kỳ tăng giá mới do nguồn cung đang có xu hướng khan hiếm do nhiều quốc gia (bao gồm Việt Nam) thu hẹp diện tích trồng cao su. Tại Việt Nam, trong những năm gần đây, do giá cao su xuống thấp trong thời gian dài nên nhiều

địa phương có xu hướng chặt bỏ diện tích cao su nhằm trồng mới hoặc chuyển sang trồng các loại cây khác.

Riêng trong tháng 4/2021, mặc dù giá xuất khẩu cao su trên thị trường thế giới nhìn chung vẫn ở mức cao nhưng xuất khẩu cao su của Việt Nam đã có xu hướng giảm mạnh do nguồn cung trong nước hạn chế. Theo số liệu ước tính, xuất khẩu cao su trong tháng 4/2021 chỉ đạt 80 nghìn tấn, trị giá 143 triệu USD, giảm 28,5% về lượng và giảm 27,1% về trị giá so với tháng trước. Giá xuất khẩu cao su bình quân trong tháng này ước đạt 1.788 USD/tấn, tăng 2% so với tháng trước và tăng tới 40,7% so với tháng 4/2020.

Trong thời gian tới, dự kiến giá cao su trên thị trường thế giới tiếp tục ở mức cao trong bối cảnh nhu cầu đối với cao su vẫn tăng do kinh tế Trung Quốc - nước tiêu thụ cao su hàng đầu thế giới tiếp tục cải thiện. Đồng thời, các hãng ô tô đẩy tăng sản lượng cũng khiến nhu cầu cao su thiên nhiên tăng theo.

Đối với mặt hàng gạo, tính chung trong 4 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu gạo ước đạt 1,89 triệu tấn, trị giá hơn 1 tỷ USD, giảm 10,8% về lượng nhưng vẫn tăng 1,2% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2020 do giá xuất khẩu ở mức cao. Hiện cùng với nhiều mặt hàng khác, xuất khẩu gạo cũng đang gặp khó khăn trong bối cảnh chi phí logistics đang ở mức cao khiến giá xuất khẩu kém cạnh tranh và nhu cầu tiêu thụ giảm xuống. Trong thời gian qua, sức ép lên ngành vận tải biển đang ngày càng gia tăng do thiếu container rỗng cộng với nhiều hãng tàu cắt dịch vụ trên một số chặng và chưa có kế hoạch cho năm nay. Diễn biến này cũng đang gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động thương mại trên toàn thế giới nói chung và xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam nói riêng. Đây là một trong số những nguyên nhân chính đẩy giá xuất khẩu gạo của Việt Nam trong những tháng đầu năm 2021 liên tục tăng cao so với cùng kỳ năm trước. Trong quý I/2021, giá xuất khẩu gạo bình quân đạt

544 USD/tấn, tăng 17,8% so với quý I/2020.

Trong tháng 4/2021, hoạt động giao dịch trên thị trường gạo thế giới diễn ra chậm chạp do các nhà nhập khẩu chờ giá giảm thêm nữa đã khiến giá gạo xuất khẩu của Việt Nam điều chỉnh giảm 4,2% so với tháng 3/2021 xuống mức khoảng 517 USD/tấn, vẫn cao hơn 3,6% so với tháng 4/2020 và đưa giá xuất khẩu gạo bình quân trong 4 tháng đầu năm 2021 lên 534 USD/tấn, tăng 13,4% so với cùng kỳ năm trước.

Tuy nhiên, trong thời gian tới dự kiến lượng gạo xuất khẩu sẽ tăng tốc trở lại do điều kiện thời tiết không thuận lợi dẫn đến sản lượng lương thực giảm ở nhiều nước nên nhu cầu nhập khẩu gạo sẽ tăng trong những tháng tiếp theo của năm 2021. Bên cạnh đó, xuất khẩu gạo sang EU dự kiến sẽ sôi động hơn nhờ tiếp tục tận dụng được cam kết thuế quan trong EVFTA. Hiện để nâng tầm lợi thế, nâng cao thu nhập cho người nông dân trồng lúa, đáp ứng được các thị trường có yêu cầu cao và tận dụng hiệu quả các FTA mà Việt Nam đã tham gia, nhiều đơn vị sản xuất và xuất khẩu gạo đang dần có sự chuyển đổi, tập trung cho phân khúc gạo cao cấp, gạo thơm.



Ước tính xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản trong tháng 4 và 4 tháng năm 2021 (Lượng: Nghìn tấn; Trị giá: Triệu USD)

Mặt hàng chủ yếu	Năm 2021				So sánh (%)					
	Ước tính tháng 4		Ước tính 4 tháng		T4/21 so với T3/21		T4/21 so với T4/20		4T/21 so với 4T/20	
	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch
Tổng kim ngạch xuất khẩu		25.000		103.401		-15,7		42,0		27,7
Nhóm nông, lâm, thủy sản		3.367		13.237		-14,4		23,1		20,8
Tỷ trọng (%)		13,5		12,8						
Thủy sản		650		2.386		-11,6		5,5		6,1
Rau quả		380		1.347		-5,9		11,5		9,5
Hạt điều	40	237	152	894	-10,3	-8,7	-10,3	-18,9	8,6	-7,4
Cà phê	110	209	563	1.018	-35,2	-33,0	-34,2	-25,8	-17,6	-11,6
Chè	11	18	37	59	7,6	12,9	12,0	9,7	1,6	7,6
Hạt tiêu	30	94	92	274	-4,5	1,4	-16,5	30,0	-21,3	10,3
Gạo	700	362	1.892	1.011	29,9	24,5	31,7	36,5	-10,8	1,2
Sắn và các sản phẩm từ sắn	200	74	1.196	443	-36,1	-36,6	-29,6	-25,4	13,9	23,8
- Sắn	100	37	513	140	-32,5	-3,2	42,4	130,4	64,8	105,8
Cao su	80	143	486	818	-28,5	-27,1	91,5	169,6	79,6	111,7
Gỗ và sản phẩm gỗ		1.200		4.988		-20,6		71,7		50,5
- Sản phẩm gỗ		904		3.848		-22,8		107,9		68,0

Nguồn: Số liệu ước tính Liên bộ (gồm: Bộ Kế hoạch & Đầu tư, Bộ Công Thương, NHNN, Tổng cục Thống kê và Tổng cục Hải quan)

Về thị trường xuất khẩu

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản trong tháng 3/2021 đạt 3,94 tỷ USD, tăng 65,3% so với tháng trước, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản trong quý I/2021 lên 9,87 tỷ USD, tăng 20,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, xuất khẩu sang Mỹ bứt phá và là thị trường có mức tăng cao nhất trong danh sách 10 thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản chủ lực của Việt Nam.

Trong 3 tháng qua, xuất khẩu nhóm hàng này vào Mỹ đạt gần 3 tỷ USD, tăng tới 49,4% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 30,1% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản nhờ nền kinh tế Mỹ hồi phục mạnh mẽ khiến sức tiêu dùng thị trường khởi sắc trở lại. Đây là diễn biến rất tích cực, nhất là khi đặt trong bối cảnh kinh tế Mỹ trong quý I/2021 vẫn chịu nhiều sức ép trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh. Trong đó, gỗ và sản phẩm gỗ là mặt hàng đạt kim

ngạch xuất khẩu vào Mỹ cao nhất, với gần 2,3 tỷ USD, tăng 77% so với quý I/2020. Ngoài ra, xuất khẩu cao su, gạo và thủy sản cũng đạt mức tăng khả quan, lần lượt tăng 106%; 40,5% và 17% so với cùng kỳ năm trước.

Cùng với Mỹ, xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản sang Trung Quốc cũng tăng đáng kể nhờ xu hướng hồi phục rõ nét trong hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế lớn thứ hai thế giới từ đầu năm đến nay khiến nhu cầu tiêu thụ hàng hóa tăng mạnh. Kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản sang Trung Quốc trong quý I/2021 đạt 2,23 tỷ USD, tăng 39,1% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 22,6% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này. Trong đó, xuất khẩu 10 mặt hàng nông, lâm, thủy sản chủ lực sang Trung Quốc đều ghi nhận mức tăng trưởng tích cực. Bứt phá mạnh nhất là mặt hàng cao su, chè và hạt điều với kim ngạch tăng tới 128%; 254% và 143% so với quý I/2020.

Trong khi đó, xuất khẩu sang EU trong quý I/2021 giảm 7,5% so với cùng kỳ năm trước, chỉ đạt 835,9 triệu USD và chiếm 8,5% tỷ trọng. Trong đó, ghi nhận sự sụt giảm của 3 mặt hàng rau quả (giảm 6,3% xuống 32,5 triệu USD); hạt điều (giảm 21,2% xuống 116,8 triệu USD) và cà phê (giảm 23,7% xuống 268,2 triệu USD). Nguyên nhân chính là do ảnh hưởng của

dịch Covid-19 và những khó khăn trong hoạt động logistics. Tuy nhiên, một số mặt hàng vẫn tăng trưởng khá nhờ tận dụng được hiệu quả Hiệp định EVFTA như gỗ và sản phẩm gỗ (tăng 17,6% lên 176,5 triệu USD); gạo (tăng 40,3% lên 3,2 triệu USD); thủy sản (tăng 1,8% lên 179 triệu USD)...

Một số thị trường xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản trong quý I năm 2021

Thị trường	Tháng 3/2021	So với tháng 2/2021	Tỷ trọng	Quý I/2021	So với quý I/2020	Tỷ trọng
	(Nghìn USD)	(%)	(%)	(Nghìn USD)	(%)	(%)
Tổng	3.935.047	65,32	100,00	9.870.498	20,06	100,00
Mỹ	1.212.405	70,87	30,81	2.967.313	49,43	30,06
Trung Quốc	832.462	41,12	21,16	2.225.822	39,14	22,55
EU	325.794	48,86	8,28	835.940	-7,50	8,47
Đức	89.754	38,60	2,28	235.099	-8,20	2,38
Hà Lan	67.219	98,91	1,71	163.928	-5,63	1,66
Italia	39.765	24,27	1,01	111.025	0,42	1,12
Pháp	32.238	25,94	0,82	87.567	3,22	0,89
Bỉ	30.131	60,81	0,77	70.313	-15,88	0,71
Tây Ban Nha	27.660	39,72	0,70	69.822	-25,61	0,71
Ba Lan	12.302	59,20	0,31	28.186	-13,51	0,29
Đan Mạch	8.009	75,63	0,20	22.897	25,83	0,23
Thụy Điển	6.225	66,31	0,16	14.533	0,85	0,15
Bồ Đào Nha	5.137	81,19	0,13	13.179	-22,51	0,13
Hy Lạp	3.920	37,44	0,10	10.536	-8,24	0,11
Rumania	1.764	170,09	0,04	3.865	-0,39	0,04
Phần Lan	1.158	28,20	0,03	2.864	40,71	0,03
Hungari	415	-53,33	0,01	1.641	56,12	0,02
Áo	95	357,60	0,00	484	31,17	0,00
Nhật Bản	308.861	74,06	7,85	771.386	4,29	7,82
Hàn Quốc	183.544	80,38	4,66	453.342	6,21	4,59
Philippin	105.785	75,62	2,69	278.282	-14,77	2,82
Canada	69.659	54,70	1,77	173.811	26,90	1,76
Australia	53.872	42,80	1,37	151.925	23,13	1,54
Thái Lan	55.752	120,10	1,42	138.485	-8,21	1,40
Malaysia	68.369	173,04	1,74	133.360	-12,52	1,35
Nga	48.305	59,98	1,23	120.672	15,32	1,22
Anh	41.731	61,11	1,06	99.966	-8,60	1,01
Đài Loan	38.555	112,37	0,98	94.767	15,32	0,96
Israel	35.187	132,25	0,89	73.775	43,73	0,75
Hồng Kông	25.897	114,13	0,66	68.701	27,48	0,70
U.A.E	27.108	81,55	0,69	67.572	38,05	0,68
Ấn Độ	29.052	98,75	0,74	66.680	9,51	0,68
Ga-na	25.850	276,57	0,66	55.909	7,00	0,57
Singapore	18.881	66,75	0,48	50.931	0,83	0,52
Bờ biển Ngà	28.864	187,04	0,73	44.339	169,97	0,45
Ả-rập Xê-út	20.127	149,65	0,51	40.829	16,68	0,41

Thị trường	Tháng 3/2021	So với tháng 2/2021	Tỷ trọng	Quý I/2021	So với quý I/2020	Tỷ trọng
	(Nghìn USD)	(%)	(%)	(Nghìn USD)	(%)	(%)
Ai Cập	16.526	89,21	0,42	36.715	32,33	0,37
Indonesia	15.746	170,82	0,40	28.664	1,44	0,29
Mê-hi-co	8.202	42,63	0,21	27.595	16,74	0,28
Bra-xin	5.228	-14,37	0,13	22.698	21,46	0,23
Campuchia	7.772	53,39	0,20	21.441	-11,66	0,22
Thổ Nhĩ Kỳ	7.337	46,48	0,19	18.422	17,59	0,19
Angiêri	6.489	-0,53	0,16	17.864	-50,07	0,18
Ucraina	7.260	104,61	0,18	17.112	12,31	0,17
New Zealand	5.495	14,31	0,14	16.009	24,26	0,16
Colombia	2.797	-36,26	0,07	14.362	42,18	0,15
Sri Lanka	3.134	57,07	0,08	9.993	186,48	0,10
Chi-lê	3.045	24,68	0,08	8.643	17,16	0,09
Thụy Sĩ	2.595	-11,86	0,07	8.511	27,10	0,09
Lào	3.451	100,88	0,09	8.269	-55,08	0,08
I-rắc	2.352	97,23	0,06	6.076	-88,71	0,06

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN SANG THỊ TRƯỜNG MỸ TIẾP TỤC ĐÀ TĂNG TRƯỞNG

Mặc dù gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, xuất khẩu nhiều mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ vẫn tăng mạnh cả về lượng và kim ngạch trong quý I/2021.

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, sau khi đạt mức tăng trưởng ấn tượng trong năm 2020, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ trong quý I/2021 tiếp tục tăng mạnh 49,4% so với cùng kỳ năm 2020, đạt 2,97 tỷ USD và đứng đầu về thị trường xuất khẩu nhóm hàng này của Việt Nam.

Tính riêng trong tháng 3/2021, xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ đạt mức cao nhất từ trước đến nay với kim ngạch đạt 1,21 tỷ USD, tăng 59,3% so với cùng kỳ năm 2020.

Việc nông, lâm, thủy sản của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Mỹ liên tục tăng trong thời gian qua là điều đáng mừng, bởi điều này cho thấy chất lượng

hàng hóa của Việt Nam đang dần đáp ứng được yêu cầu từ thị trường có sự đòi hỏi cao về chất lượng này.

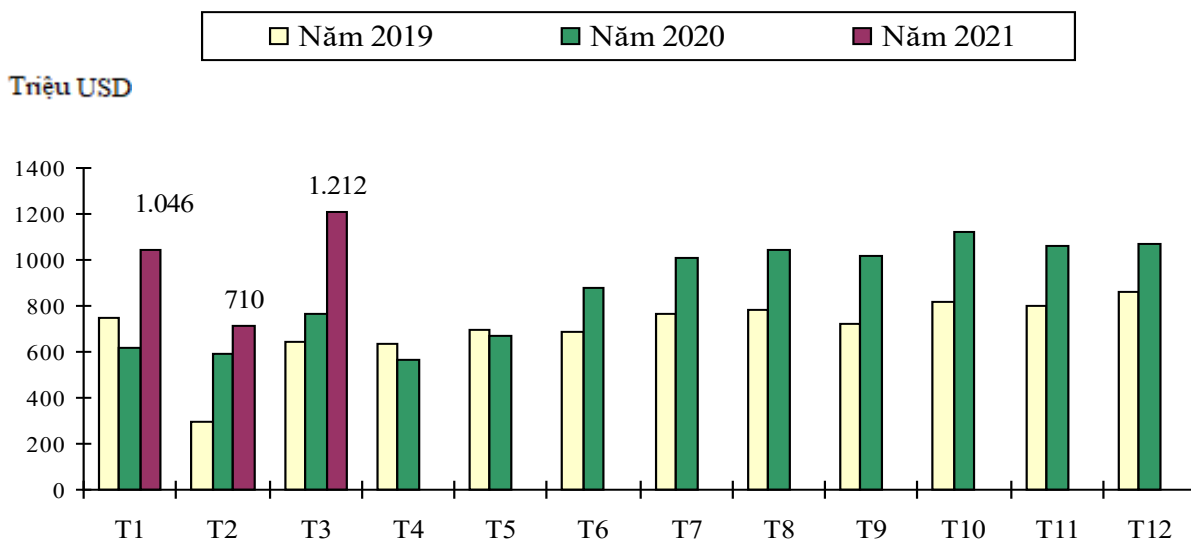
Nền kinh tế Mỹ đang phục hồi rõ nét trở lại sẽ là yếu tố quan trọng thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng, trong đó có các mặt hàng nông, lâm, thủy sản, tăng lên trong thời gian tới. Đây cũng là cơ hội để các doanh nghiệp Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu nhóm hàng này vào thị trường Mỹ.



Trước ảnh hưởng tích cực nhờ các gói cứu trợ lớn đã được thông qua và những nỗ lực trong việc triển khai tiêm vaccine, niềm tin của người tiêu dùng vào xu hướng hồi phục của kinh tế Mỹ liên tục tăng cao. Theo số liệu mới công bố của Bộ Thương mại Mỹ, doanh số bán lẻ của nước

này trong tháng 3/2021 đã tăng 9,8%, cao hơn so với mức dự báo tăng 5,9% trước đó. FED nhận định kinh tế Mỹ có khả năng đạt mức tăng trưởng lên tới 7% trong năm 2021 – mức tăng mạnh nhất của kinh tế nước này từ năm 1984 đến nay sau khi giảm 3,5% trong năm 2020.

Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam tới thị trường Mỹ năm 2019 - 2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong quý I/2021, gỗ và sản phẩm gỗ chiếm 77,4% tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản xuất khẩu của Việt Nam, với kim ngạch đạt gần 2,3 tỷ USD, tăng mạnh 77% so với cùng kỳ năm 2021.

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang Mỹ tăng mạnh là do mức độ chi tiêu của người tiêu dùng nước này cho sản phẩm đồ gỗ và nội thất vẫn tăng lên ngay cả khi dịch bệnh vẫn diễn biến phức tạp.

Trong khi đó, việc Việt Nam kiểm soát tốt dịch Covid-19 khiến hoạt động sản xuất ngành hàng này được duy trì, qua đó tận dụng được cơ hội lấp vào chỗ trống khi ngành gỗ ở nhiều nước bị gián đoạn sản xuất do dịch bệnh.

Kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ trong 4 tháng đầu năm 2021 cũng tăng khá mạnh

17% so với cùng kỳ năm 2020, đạt 335,06 triệu USD.

Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam sang thị trường Mỹ tăng 27,2%, rau quả tăng 2,4%, gạo tăng 40,5%, đặc biệt cao su tăng tới 106% so với quý I/2020.

Ở chiều ngược lại, kim ngạch xuất khẩu hạt điều sang thị trường Mỹ trong quý I/2021 giảm 30,7% so với cùng kỳ năm 2020, cà phê giảm 17,9%, chè giảm 22,4%.



Xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ trong quý I/2021 (ĐVT: Lượng: tấn; Kim ngạch: nghìn USD)

Tên hàng	Quý I/2021		So với quý I/2020 (%)		Tỷ trọng (%)	
	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Quý I/2021	Quý I/2020
Tổng KNXK nông, lâm, thủy sản sang Mỹ		2.967.313		49,4	100,00	100,00
Gỗ và sản phẩm gỗ		2.297.636		77,0	77,43	65,36
Hàng thủy sản		335.064		17,0	11,29	14,42
Hạt điều	30.969	169.921	-10,4	-30,7	5,73	12,35
Cà phê	30.145	58.092	-22,0	-17,9	1,96	3,56
Hạt tiêu	14.053	44.674	1,7	27,2	1,51	1,77
Hàng rau quả		36.677		2,4	1,24	1,80
Cao su	11.271	19.775	70,9	106,0	0,67	0,48
Gạo	5.044	3.826	18,5	40,5	0,13	0,14
Chè	1.214	1.647	-28,5	-22,4	0,06	0,11

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Hàng thủy sản:

Trong quý I/2021, kim ngạch xuất khẩu hầu hết các chủng loại thủy sản của Việt Nam sang Mỹ đều tăng so với cùng kỳ năm 2020.

Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu cá tra, basa sang thị trường Mỹ đạt 73,29 triệu USD, tăng 18,6% so với quý I/2020.

Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu tôm sang thị trường Mỹ cũng tăng 18,1%, cá ngừ tăng 3,7%, cá đông lạnh tăng 34,3%...

Theo Cơ quan Quản lý Khí quyển và Đại dương Quốc gia Mỹ (NOAA), trong tháng 2/2021, Mỹ nhập khẩu tổng cộng 52.093 tấn tôm, trị giá khoảng 450,8 triệu USD, tăng 3% cả về lượng và trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, Ấn Độ chiếm 38% tổng lượng tôm nhập khẩu của Mỹ, tiếp theo là Ecuador với 21%, Indonesia với 18,4% và Việt Nam với 8,2%. Tháng 2/2021 cũng là tháng thứ ba liên tiếp khối lượng tôm nhập khẩu của Mỹ tăng so với cùng kỳ năm 2020, điều này cho thấy người dân Mỹ đang tiêu thụ nhiều tôm hơn so với trước đây.

Một số chủng loại thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Mỹ trong quý I/2021

Chủng loại	Quý I/2021			So với quý I/2020 (%)		
	Lượng (tấn)	Kim ngạch (nghìn USD)	Giá XK BQ (USD/tấn)	Lượng	Kim ngạch	Giá XK BQ
Cá tra, basa	25.354	73.293	2.891	23,8	18,6	-4,2
Tôm các loại	13.442	135.680	10.094	25,4	18,1	-5,8
Cá ngừ các loại	10.750	63.983	5.952	27,8	3,7	-18,9
Cá đông lạnh	5.518	33.099	5.998	35,7	34,3	-1,0
Cá đóng hộp	1.109	4.107	3.704	31,5	37,9	4,9
Ghẹ các loại	717	9.295	12.971	64,4	60,1	-2,6
Nghêu các loại	491	1.372	2.792	-8,6	10,2	20,6
Surimi	468	1.981	4.235	64,7	41,6	-14,0
Mắm	301	1.015	3.368	7,0	27,0	18,7
Bạch tuộc các loại	271	1.693	6.255	-16,8	16,0	39,4
Ốc các loại	160	985	6.154	13,7	94,3	71,0
Cá khô	156	907	5.822	137,3	52,2	-35,8
Mực các loại	155	1.239	7.985	-7,4	9,0	17,7
Bánh hải sản	106	1.086	10.285	57,9	59,6	1,0

Chủng loại	Quý I/2021			So với quý I/2020 (%)		
	Lượng (tấn)	Kim ngạch (nghìn USD)	Giá XK BQ (USD/tấn)	Lượng	Kim ngạch	Giá XK BQ
Hoàn thành	84	468	5.588			
Cua các loại	70	1.897	27.025	-67,0	-59,5	22,6
Ruốc	48	100	2.060	805,2	242,7	-62,1
Ba khía	44	255	5.801	42,9	68,3	17,8
Sò các loại	38	370	9.802	-1,3	198,7	202,4
Nhộng	36	129	3.548	22.266,0	19.199,8	-13,7
Lươn	24	326	13.453	323,4	425,8	24,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Hàng rau quả:

Trong bối cảnh dịch Covid-19 tại Mỹ vẫn còn diễn biến phức tạp, nhu cầu nhập khẩu rau quả của Mỹ từ Việt Nam cũng có sự thay đổi với việc giảm các mặt hàng trái cây và tăng các sản phẩm chế biến cũng như rau củ.

Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm chế biến từ rau quả của Việt Nam sang thị trường Mỹ trong quý I/2021 đạt 20,92 triệu USD, tăng 20% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, những sản phẩm chế biến từ dứa, hạt điều, ngô, hạt dẻ... đang được đẩy mạnh

xuất khẩu sang thị trường Mỹ.

Kim ngạch xuất khẩu rau củ sang thị trường Mỹ cũng tăng 27,7% so với quý I/2020 với sự gia tăng của ngô, tỏi, khoai mỡ...

Trong khi đó, kim ngạch xuất khẩu trái cây của Việt Nam sang thị trường Mỹ giảm 23,3% trong quý I/2021. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu thanh long và Macadamia giảm lần lượt là 38,2% và 21,7%. Tuy nhiên, xuất khẩu xoài, vú sữa, dứa và đặc biệt là óc chó sang thị trường Mỹ lại tăng đáng kể.

Một số chủng loại rau quả xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Mỹ trong quý I/2021

Chủng loại	Quý I/2021 (nghìn USD)	So với quý I/2020 (%)
Sản phẩm chế biến	20.915	20,0
Dứa	3.208	120,7
Dứa	1.744	1,2
Hạt điều	1.712	121,7
Chanh leo	1.403	2,6
Lá nho	1.157	27,4
Ngô	1.116	32,6
Hạt dẻ cười	1.040	71,1
Nấm rơm	857	45,0
Măng cầu	765	-41,3
Thanh long	744	-40,7
Trái cây	12.286	-23,3
Thanh long	4.332	-38,2
Xoài	2.070	1,6
Óc chó	1.523	481,9
Vú sữa	1.388	72,9
Dứa	837	17,1
Macadamia	405	-21,7
Chôm chôm	296	3,5
Rau củ	2.701	27,7
Ngô	1.319	65,1
Tỏi	277	66,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

THỨC ĐẨY XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN SANG THỊ TRƯỜNG AUSTRALIA



động, để đáp ứng tình hình mới, hỗ trợ hơn nữa hoạt động giao thương, xuất khẩu của Việt Nam.

Dự kiến trong thời gian tới, Thương vụ sẽ tiếp tục tổ chức Triển lãm trực tuyến quốc tế về nguồn hàng Việt Nam tại Australia với quy mô quốc gia, tổ chức các sự kiện xúc tiến nguồn hàng và kêu gọi sự tham gia đồng hành của các Hiệp hội Doanh nghiệp Việt Nam và Australia, cộng đồng doanh nghiệp Việt kiều tại Australia.

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Australia trong quý I/2021 đạt 151,93 triệu USD, tăng khá mạnh 23,1% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng thủy sản, gỗ và sản phẩm gỗ, rau quả của Việt Nam sang thị trường này trong quý I/2021 tăng từ 34 - 40% so với cùng kỳ năm 2020. Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu gạo và hạt tiêu sang thị trường Australia cũng tăng mạnh 66% và 53% so với quý I/2020.

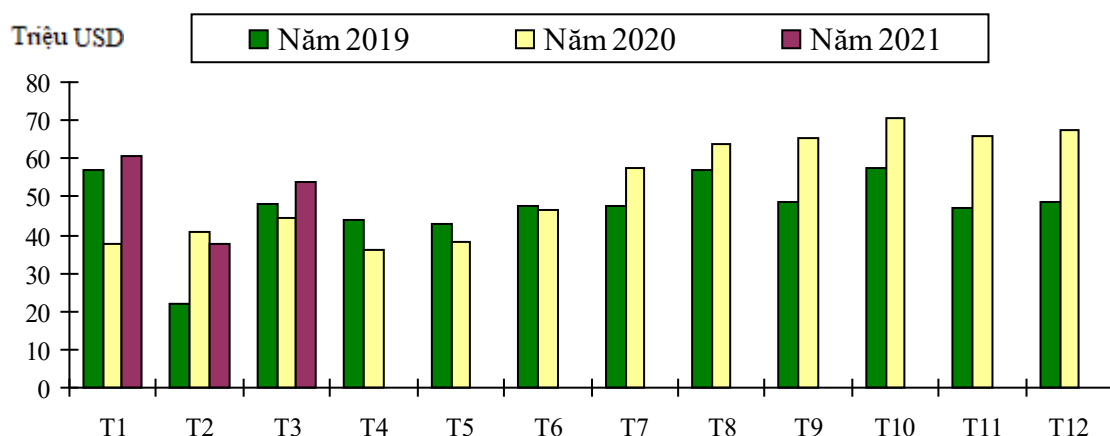
Năm 2021, thực hiện theo định hướng của Bộ Công Thương, Cơ quan Thương vụ Việt Nam tại Australia sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc triển khai chương trình hành

Ngoài ra, căn cứ tình hình mùa vụ nông sản trong nước, Thương vụ cũng sẽ lên kế hoạch hỗ trợ thúc đẩy tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp Việt Nam tại Australia thông qua việc tổ chức xúc tiến thương mại gắn với xây dựng thương hiệu.

Trong khi đó, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường Australia cũng có nhiều thuận lợi hơn trước sự phục hồi của nền kinh tế nước này.

Theo dự báo của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Australia có thể đạt mức tăng trưởng kinh tế 4,5% trong năm 2021, tăng 1% so với dự báo trước đó của tổ chức này. IMF cho rằng sự phục hồi của thị trường lao động đang tiếp tục hỗ trợ tiêu dùng cá nhân và qua đó thúc đẩy nền kinh tế Australia phục hồi mạnh mẽ.

Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam tới thị trường Australia năm 2019 - 2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Australia trong quý I/2021 (ĐVT: Lượng: tấn; Kim ngạch: nghìn USD)

Tên hàng	Quý I/2021		So với quý I/2020 (%)		Tỷ trọng (%)	
	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Quý I/2021	Quý I/2020
Tổng KNXX nông, lâm, thủy sản sang Australia		151.925		23,1	100,0	100,0
Hàng thủy sản		61.381		34,8	40,4	36,9
Gỗ và sản phẩm gỗ		40.185		34,4	26,5	24,2
Hàng rau quả		19.012		40,0	12,5	11,0
Hạt điều	2.856	17.195	-8,0	-17,7	11,3	16,9
Cà phê	3.760	7.025	-28,2	-22,4	4,6	7,3
Gạo	7.398	4.739	61,6	66,0	3,1	2,3
Hạt tiêu	721	2.389	41,1	53,0	1,6	1,3

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Hàng thủy sản:

Australia là một trong những nước có tiêu chuẩn sống cao nhất trên thế giới với mức tiêu thụ thủy sản bình quân đầu người có xu hướng tăng, do đó xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Australia trong thời gian tới có triển vọng tăng trưởng tích cực, trong đó tôm là mặt hàng chủ lực của Việt Nam sang thị trường này.

Trong quý I/2021, xuất khẩu tôm các loại của Việt Nam sang thị trường Australia tăng mạnh 42,1% về lượng và

50,6% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2020, đạt 4,25 nghìn tấn, kim ngạch đạt 42,18 triệu USD.

Bên cạnh đó, kim ngạch xuất khẩu của nhiều mặt hàng thủy sản khác như cá đông lạnh, cá ngừ, surimi, mực, mắm... của Việt Nam sang thị trường Australia cũng tăng trưởng khả quan trong quý I/2021.

Ngược lại, kim ngạch xuất khẩu cá đóng hộp sang thị trường này giảm 14%, bạch tuộc giảm 48,4%...

Một số mặt hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Australia trong quý I/2021

Chủng loại	Quý I/2021			So với quý I/2020 (%)		
	Lượng (tấn)	Kim ngạch (nghìn USD)	Giá XK BQ (USD/tấn)	Lượng	Kim ngạch	Giá XK BQ
Tôm các loại	4.248	42.180	9.930	42,1	50,6	6,0
Cá tra, basa	3.265	8.294	2.541	1,7	-3,2	-4,9
Cá đông lạnh	909	6.410	7.054	36,1	27,8	-6,1
Cá đóng hộp	576	1.105	1.919	-26,0	-14,0	16,2
Cá ngừ các loại	245	734	2.997	161,2	132,3	-11,1
Surimi	172	361	2.097	113,5	25,0	-41,4
Mực các loại	98	511	5.223	16,6	41,0	20,9
Mắm	87	232	2.666	78,7	87,9	5,1
Cá khô	81	273	3.388	156,8	39,0	-45,9
Nghêu các loại	78	173	2.200	45,3	56,5	7,7
Bạch tuộc các loại	63	383	6.089	-56,3	-48,4	18,1
Ghẹ các loại	41	262	6.421	-48,9	32,1	158,8
Thủy sản khác	19	86	4.500	-65,2	-35,2	86,1
ốc các loại	14	85	6.217	3.331	8.104	139,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Mặt hàng rau quả:

Trong quý I/2021, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm rau quả chế biến của Việt Nam sang thị trường Australia tăng mạnh 74,3% so với cùng kỳ năm 2020, đạt 10,07 triệu USD. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hạt dẻ cười chế biến sang thị trường Australia tăng tới 1.548%, đạt 2,59 triệu USD. Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm chế biến từ trái cây của Việt Nam sang thị trường này cũng tăng tới 5.455%...

Về xuất khẩu trái cây tươi sang thị trường Australia, thị trường này đang tăng nhập khẩu xoài, hạt dẻ cười, chuối từ Việt Nam.



Kim ngạch xuất khẩu một số sản phẩm rau hoa quả của Việt Nam sang thị trường Australia trong quý I/2021

Chủng loại	Quý I/2021 (nghìn USD)	So với quý I/2020 (%)
Sản phẩm chế biến	10.072	74,3
Hạt dẻ cười	2.587	1.548,2
Dừa	2.502	87,2
Hạnh nhân	1.016	47,4
Chanh leo	808	10,4
Trái cây	790	5.455,3
Dứa	325	4,9
óc chó	217	-56,1
loại khác	211	-79,0
Gừng	203	567,5
Trái cây	7.811	9,5
Xoài	2.433	5,1
Hạt dẻ cười	1.300	199,3
Macadamia	1.029	6,8
Óc chó	961	-25,3
Chuối	765	84,3
Thanh long	428	0,1
Chanh leo	225	-54,6
Dừa	185	-13,5
Hoa	1.847	62,2
Hoa cúc	1.336	50,0
Hoa lan hồ điệp	187	150,9
Hoa cẩm chướng	167	39,2
Hoa cát tường	138	155,0
Rau củ	1.032	63,4
Ớt	238	-1,6
Khoai môn	220	83,7
Ngô	180	34,0
Khoai mỡ	105	631,7

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

TỈNH LONG AN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HIỆN ĐẠI GẮN VỚI XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU NÔNG, THỦY SẢN

Long An được hưởng nguồn nước ngọt của hai hệ thống sông Cửu Long và sông Đồng Nai, rất thuận lợi cho phát triển ngành thủy sản, cung cấp phù sa, nước ngọt, phục vụ tưới tiêu cho nông nghiệp. Với những thế mạnh sẵn có về vị trí điều kiện tự nhiên, Long An có nhiều tiềm năng, lợi thế lớn cho phát triển kinh tế - xã hội.

Phần lớn diện tích nông nghiệp tỉnh Long An là sản xuất lúa, gạo, một số khu vực tập trung sản xuất các sản phẩm nông nghiệp khác như: thanh long, khoai tím, mía đường, chanh, đậu phộng, bắp, mè, thơm (khóm)... Bên cạnh đó, hạ tầng khu, cụm công nghiệp luôn sẵn sàng tiếp nhận các nhà đầu tư khai thác thế mạnh của Long An về các sản phẩm nông, lâm thủy sản.

Tỉnh luôn tập trung chỉ đạo mạnh mẽ, quyết liệt và đồng bộ các giải pháp nhằm triển khai đạt hiệu quả Chương trình Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Các vùng dự án về sản xuất lúa, thanh long, rau, chăn nuôi bò thịt ứng dụng công nghệ cao cơ bản đã hình thành; một số vùng sản xuất chuyên canh mới tiếp tục được đầu tư và phát huy hiệu quả (chanh, chuối, thủy sản...); từng bước hình thành các chuỗi giá trị trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản sạch, an toàn.

Trong những năm qua, tỉnh đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp với trọng tâm là phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gắn với tái cơ cấu ngành Nông nghiệp. Toàn tỉnh đã xác định được 4 vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; công tác xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại được tăng cường. Việc giám sát chuỗi sản phẩm an toàn được thực hiện bước đầu có hiệu

quả, tạo điều kiện thuận lợi cho việc truy xuất nguồn gốc và nâng cao chất lượng nông sản hàng hóa.

Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp thời gian qua tại tỉnh Long An đạt được nhiều kết quả khả quan. Trong đó, tỉnh mở rộng diện tích sản xuất, tập trung cho nông nghiệp sạch, nâng cao chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp để phát triển bền vững. Theo định hướng của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An, trong giai đoạn 2021-2025, Long An sẽ tiếp tục thực hiện Đề án Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Trong đó, mở rộng diện tích lên 71.300 ha; cụ thể, cây lúa 60.200 ha, thanh long 6.000 ha, cây chanh 3.000 ha, duy trì 2.000 ha rau ứng dụng công nghệ cao, tôm 100 ha



ứng dụng công nghệ cao...

Để thực hiện tốt mục tiêu sản xuất, tỉnh Long An sẽ tổ chức truyền thông nâng cao nhận thức, hiểu biết của cộng đồng về sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, về nông nghiệp hữu cơ; về những yêu cầu thị trường buộc phải ứng dụng công nghệ để tăng năng suất, chất lượng, hạ giá thành trong sản xuất.

Đồng thời, hỗ trợ các chiến dịch truyền thông nâng cao nhận thức của người tiêu dùng về sản phẩm nông nghiệp an toàn, hữu cơ; Tuyên truyền mời gọi các tổ chức cá nhân kinh doanh giống cây trồng, vật nuôi nhằm cung cấp giống có chất lượng cho sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

Cùng với đó, tỉnh tổ chức lại sản xuất theo hướng hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung; Tổ chức sản xuất theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững phát huy tiềm năng thế mạnh của các vùng đề án về nông nghiệp hữu cơ; Tập trung thực hiện liên kết sản xuất – tiêu thụ theo chuỗi giá trị; Có giải pháp kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc; tạo điều kiện cho các tổ hợp tác, hợp tác xã hoạt động có hiệu quả.

Đối với công tác quy hoạch, tỉnh Long An sẽ triển khai thực hiện quy hoạch, rà soát, điều chỉnh bổ sung để tích hợp vào quy hoạch chung của tỉnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 để tổ chức thực hiện ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, chú trọng quy hoạch đồng ruộng, khuyến khích hình thành vùng sản xuất hàng hóa lớn.

Tỉnh Long An luôn chú trọng xây dựng thương hiệu đặc trưng cho địa phương; tạo ra hướng đi mới cho các đặc sản trên lĩnh vực nông nghiệp, phi nông nghiệp; chú trọng phát triển các nghề, làng nghề truyền thống; tăng thu nhập và nâng cao mức sống cho người dân là những mục tiêu mà Đề án “Mỗi xã một sản phẩm” (gọi tắt là OCOP) ở Long An đang hướng đến.

Thực hiện đề án của Chính phủ về Chương trình Mỗi xã một sản phẩm, tỉnh phê duyệt đề án Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030 với mục tiêu góp phần cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh để sản xuất các sản phẩm, dịch vụ có lợi thế đạt tiêu chuẩn, có khả năng cạnh tranh trên thị trường, góp phần phát triển kinh tế nông thôn theo hướng phát triển nội sinh và gia tăng giá trị, qua đó nâng cao thu nhập cho người dân.

Đến nay, đề án đạt nhiều kết quả khả quan. Tỉnh đã có quyết định công nhận 4 sản phẩm của Công ty TNHH Nuôi trồng và Chế biến Đông trùng hạ thảo Việt Nam (Dohavi) ở huyện Bến Lức đạt 4 sao, gồm: Đông trùng hạ thảo sấy khô, trà Ô long đông trùng hạ thảo, trà thảo mộc đông trùng hạ thảo và bột dinh dưỡng đông trùng hạ thảo.

Ngoài ra, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn còn nhận được hồ sơ của Hợp tác xã Nông nghiệp, Sản xuất, Thương mại, Dịch vụ Phước Thịnh (xã Phước Hậu, huyện Cần Giuộc) đề nghị công nhận sản phẩm hạng 3 sao; rượu đế Gò đen loại 31% và 41% (huyện Bến Lức) đề nghị công nhận hạng 4 sao; sản phẩm cà phê sữa và cà phê rang xay (huyện Đức Hòa) đề nghị hạng 3 sao...

Bên cạnh đó, tỉnh Long An tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, khơi thông thị trường, kết nối các doanh nghiệp để tiêu thụ, bao tiêu nông sản của tỉnh. Hoạt động thương mại - dịch vụ của tỉnh vẫn duy trì với mức tăng trưởng ổn định, thị trường hàng hóa dồi dào và phong phú, đa dạng về mẫu mã cũng như chủng loại, đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng. Hiện tỉnh tiếp tục tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, kết nối các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp tại thành phố để tiêu thụ, bao tiêu nông sản của tỉnh, tiến đến xuất khẩu.

TÂY NINH KHÁNH THÀNH NHÀ MÁY ẤP TRỨNG GÀ TRỊ GIÁ 200 TỶ ĐỒNG

Công ty Cổ phần Bel Gà (Vương quốc Bỉ), Tập đoàn De Heus (Hà Lan) và Tập đoàn Hùng Nhơn (Việt Nam) vừa cùng tổ chức khánh thành nhà máy ấp trứng gia cầm công nghệ cao Bel Gà tại khu công nghiệp Thành Thành Công (thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh).

Nhà máy ấp trứng gia cầm Bel Gà vừa được khánh thành có tổng vốn đầu tư 200 tỷ đồng và diện tích 15.000 m². Đây là nhà máy ấp trứng gia cầm công nghệ cao thứ hai của Công ty Cổ phần Bel Gà tại Việt Nam (sau nhà máy ở tỉnh Lâm Đồng), nằm trong chuỗi liên kết cung ứng sản phẩm nông nghiệp sạch, bền vững hướng tới xuất khẩu của công ty cùng các đối tác đầu tư.

Sản phẩm cung cấp chính của nhà máy là gà con giống nuôi thịt một ngày tuổi và gà con giống nuôi đẻ trứng một ngày tuổi cho thị trường Việt Nam và Campuchia. Trong giai đoạn 1, công suất thiết kế ấp nở của nhà máy là 19 triệu con gà giống/năm. Đến giai đoạn 2, quy mô sản xuất của nhà máy sẽ mở rộng đến 38,4 triệu con gà giống/năm.

Nhà máy là mô hình sản xuất độc đáo,

áp dụng nhiều tiến bộ trong việc cải tiến kỹ thuật hiện đại trong thiết kế xây dựng và vận hành, gồm các trang thiết bị cho trại nuôi và trại ấp đạt tiêu chuẩn châu Âu, với sự hỗ trợ của các chuyên gia, kỹ thuật hàng đầu thế giới. Mô hình do Công ty cổ phần Bel Gà (Vương quốc Bỉ), Tập đoàn De Heus (Hà Lan) và Tập đoàn Hùng Nhơn (Việt Nam) hợp tác đầu tư.

Toàn bộ công nghệ sử dụng trong nhà máy đều được áp dụng kỹ thuật quản lý bằng việc sử dụng hệ thống công nghệ thông tin nhằm bảo đảm tính hiệu quả và chính xác trong quá trình sản xuất; đồng thời, đầu tư các máy móc và thiết bị sản xuất hiện đại.

Công ty Bel Gà, Tập đoàn De Heus, Tập đoàn Hùng Nhơn và các đối tác chiến lược dự kiến sẽ tiếp tục đầu tư xây dựng 1 tổ hợp khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại địa phương với 2 trang trại gà bố mẹ (công suất 25 triệu trứng/năm); hệ thống trang trại chăn nuôi gà thịt an toàn (công suất 25 triệu con gà thịt/năm); tổ hợp các nhà máy sản xuất và chế biến các sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao theo chuỗi khép kín. Tổng mức đầu tư cho các dự án khoảng 141,5 triệu USD.

PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU TẬP THỂ NƯỚC MẮM NAM Ô

Ngày 20/4/2021, tại Đà Nẵng, Cục Sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng tổ chức Hội thảo khoa học "Phát triển nhãn hiệu tập thể nước mắm Nam Ô".

Đến nay, làng nghề có 92 hộ làm nước mắm, trong đó có 62 hộ tham gia vào Hội làng nghề nước mắm truyền thống, 10 cơ sở quy mô lớn, 17 cơ sở đăng ký thương hiệu riêng, ba hợp tác xã và một doanh nghiệp. Nghề mắm đã tạo việc làm bền vững cho hàng trăm lao động địa phương. Bình quân mỗi năm cung ứng ra thị trường khoảng 200 nghìn lít nước mắm thành phẩm.

Nhằm phát triển hơn nữa làng nghề, thành phố Đà Nẵng đã phê duyệt Đề án "Bảo tồn làng nghề nước mắm Nam Ô gắn với phát triển du lịch TP. Đà Nẵng", kinh phí gần 4,7 tỷ đồng với các mục tiêu cụ thể như: đưa sản phẩm nước mắm Nam Ô trở thành sản phẩm du lịch; tăng thu nhập cho người làm nước mắm; xây dựng làng nghề trở thành điểm du lịch của thành phố; khai thác các tiềm năng di tích, phong cảnh cũng như các hoạt động văn hóa văn nghệ của địa phương... Đây là một trong những bước đệm mạnh mẽ để thương hiệu nước mắm Nam Ô phát triển hơn nữa.

LÂM ĐỒNG SẮP CÓ THÊM NHÀ MÁY CHẾ BIẾN RAU QUẢ CÔNG SUẤT 50.000 TẤN/NĂM

Công ty TNHH B'Lao Food (TP.Bảo Lộc, Lâm Đồng) vừa khởi công xây dựng nhà máy chế biến rau, củ, quả tại Khu công nghiệp Lộc Sơn, TP.Bảo Lộc, Lâm Đồng.

Nhà máy chế biến rau, củ, quả B'Lao Food được xây dựng tại Khu Công nghiệp Lộc Sơn với tổng diện tích hơn 1,5 ha. Nhà máy xây dựng theo hình thức tổ hợp dây chuyền sản xuất với thiết bị máy móc, công nghệ hiện đại để chế biến các sản phẩm bơ, sầu riêng, chanh dây; các dây chuyền đóng gói tươi sản phẩm rau sạch, cấp đông nguyên trái, cấp đông, dịch quả và dây chuyền cấp đông nhanh đáp ứng được những tiêu chuẩn của nhiều thị trường quốc tế như Nhật Bản, Mỹ và các nước châu Âu...

Nhà máy chế biến B'Lao Food được triển khai thi công xây dựng trong 2 giai

đoạn, với tổng sản lượng chế biến các loại rau, củ, quả thành phẩm đạt 50.000 tấn/năm. Trong đó, giai đoạn 1 từ nay đến quý 2/2022 sẽ đi vào hoạt động, với sản lượng sản phẩm chế biến dự kiến đạt 30.000 tấn thành phẩm/năm; giai đoạn 2 sẽ hoàn thành vào quý 3/2023, sản lượng chế biến đạt 20.000 tấn thành phẩm/năm.

Công ty B'Lao Food cũng đã ký kết hợp đồng nguyên tắc với các đối tác lớn như: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thương mại dịch vụ Ngọc Minh Châu, Công ty Yeram Company Limited (Hàn Quốc), Zhejiang De Anman Trading Company (Trung Quốc) hợp tác xuất khẩu sang các thị trường Canada, Mỹ, Hàn Quốc, Trung Quốc, châu Âu... để cung ứng nguồn nguyên liệu rau củ quả cũng như bao tiêu sản phẩm xuất khẩu của nhà máy.

HỘI NGHỊ GIAO THƯƠNG TRỰC TUYẾN XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI VÀ HỢP TÁC DOANH NGHIỆP VIỆT NAM- ẤN ĐỘ 2021

Thực hiện Chương trình Cấp quốc gia về Xúc tiến thương mại (XTTM) năm 2021, nhằm quảng bá rộng rãi tiềm năng, thế mạnh xuất khẩu sản phẩm nông sản, thực phẩm Việt Nam trên một số kênh thông tin của các cơ quan, tổ chức tại Ấn Độ, hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam có cơ hội tiếp cận, kết nối với các đối tác tiềm năng tại thị trường Ấn Độ, Cục XTTM phối hợp với Thương vụ - Đại sứ quán Việt Nam tại Ấn Độ tổ chức sự kiện sau:

Tên sự kiện: Hội nghị giao thương trực tuyến xúc tiến thương mại và hợp tác doanh nghiệp Việt Nam - Ấn Độ 2021. Thời gian (dự kiến): Ngày 20 và 21 tháng 5 năm 2021. Địa điểm: Trực tuyến, điểm cầu chính tại Hà Nội (Việt Nam) – Ấn Độ (New Delhi).

Ngành hàng: Chuyên ngành nông sản, thực phẩm.

Phương thức tổ chức: Ban tổ chức sẽ lựa chọn sử dụng phần mềm họp trực tuyến phù hợp để tổ chức và hướng dẫn doanh nghiệp tham gia chương trình. Hội nghị sẽ chia các phiên giao thương theo từng nhóm mặt hàng, doanh nghiệp. Căn cứ theo nhu cầu giao thương của các doanh nghiệp Việt Nam, Ban tổ chức sẽ mời các doanh nghiệp Ấn Độ tham gia các phiên giao thương và trao đổi trực tuyến với doanh nghiệp Việt Nam.

Chi phí tham dự: Miễn phí.

Đăng ký tham dự: Các cơ quan, doanh nghiệp có nhu cầu tham gia hội nghị, đăng ký theo đường dẫn <http://event.vietrade.gov.vn/giaothuongando> cùng biểu mẫu

đính kèm và gửi kèm theo các tài liệu sau đến Ban tổ chức: 01 slide giới thiệu về sản phẩm doanh nghiệp muốn chào bán; 01 bản thông tin giới thiệu về doanh nghiệp; video clip giới thiệu về doanh nghiệp và sản phẩm (nếu có).

Thời hạn đăng ký: Trước 12h00 Thứ 5, ngày 13 tháng 5 năm 2021. Ban tổ chức sẽ ưu tiên doanh nghiệp đăng ký sớm.

Các doanh nghiệp sau khi tham gia Hội nghị có trách nhiệm hoàn thành (trực tuyến) bản khảo sát đánh giá kết quả tham gia Hội nghị do Ban tổ chức gửi. Doanh nghiệp không hoàn thành bản khảo sát

sẽ không được xem xét lựa chọn tham gia các Hội nghị giao thương trực tuyến khác do Cục Xúc tiến thương mại tổ chức.

Thông tin chi tiết, đề nghị liên hệ:

Chi nhánh Trung tâm Hỗ trợ xuất khẩu tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ: Tầng 9, 12 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

Điện thoại: 028 38297282 (máy lẻ: 123);

Người liên hệ: Anh Đông Duy (091.554.2387) Email: duynd@vietrade.gov.vn; duyvietrade@gmail.com

GIAO THƯƠNG

DOANH NGHIỆP TẠI OSAKA, NHẬT BẢN CẦN TÌM ĐỐI TÁC CUNG CẤP ỚT BỘT CỦA VIỆT NAM

Doanh nghiệp tại Osaka, Nhật Bản hoạt động trong lĩnh vực nhập khẩu và phân phối các sản phẩm nông sản dạng hạt, và nguyên liệu sản xuất gia vị cần tìm đối tác Việt Nam cung cấp sản phẩm ớt bột. Yêu cầu cụ thể như sau:

- Công ty mong muốn tìm kiếm một đối tác có khả năng sản xuất hàng chất lượng cao, có khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn về chất lượng, quy trình sản xuất của phía Nhật. Tiêu chuẩn chất lượng cụ thể sẽ được cung cấp trong quá trình trao đổi giao dịch.

- Số lượng mua: theo container.

- Lưu ý khác: cần kết nối với các công ty đã có kinh nghiệm xuất khẩu sang Nhật hoặc có quan tâm tới việc xuất khẩu sản phẩm sang Nhật. Là Công ty Việt Nam không có vốn đầu tư nước ngoài

- Thông tin Công ty Nhật Bản: <http://www.kanezen.com/>

Các công ty Việt Nam có thể cung cấp mặt hàng này và có nhu cầu kết nối liên hệ và gửi thông tin đăng ký theo đường link sau:

Chi nhánh Thương vụ Việt Nam tại Osaka, Nhật Bản

Email: osaka@moit.gov.vn / quyenhabct@gmail.com

<https://docs.google.com/forms/d/1pspfOYJSQwAY6HB6C4bm46Pg3rt1UOHG4SFgLPdCIMQ/edit>

CÔNG TY MAROC CẦN NHẬP KHẨU MỘT SỐ SẢN PHẨM PHỤC VỤ NHÀ HÀNG

Doanh nghiệp Maroc cần nhập khẩu một số sản phẩm để phân phối trong siêu thị phục vụ nhà hàng như: há cảo, tôm tẩm bột, nem cuốn sẵn, thịt vo viên chưa rán, hải sản vo viên, bột tôm, tôm chiên xù (chưa chiên)...

Doanh nghiệp xuất khẩu đáp ứng tiêu chí, xin liên hệ Thương vụ Việt Nam tại Maroc qua email: ma@moit.gov.vn hoặc whatsapp: +212602535701. Thương vụ sẽ kết nối theo thứ tự liên hệ.

DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU THỰC PHẨM HỖN HỢP SANG EU LƯU Ý CẬP NHẬT QUY ĐỊNH MỚI

Thương vụ Việt Nam tại Thụy Điển và một số nước châu Âu thông báo việc Liên minh châu Âu (EU) áp dụng quy định mới (EU) 2020/2236 về thay đổi cách tiếp cận kiểm soát thực phẩm hỗn hợp nhập khẩu từ bên ngoài vào EU.

Quy định mới này có hiệu lực từ ngày 21/4/2021, theo đó các doanh nghiệp xuất khẩu thực phẩm sang EU cần lưu ý để hàng hóa tránh bị "mắc lỗi".

Cụ thể, trước đây, EU quy định thực phẩm hỗn hợp có chứa trên 50% thành phần từ sản phẩm có nguồn gốc động vật thì áp dụng kiểm soát như thực phẩm có nguồn gốc động vật. Các loại thực phẩm hỗn hợp có chứa thành phần thực phẩm có nguồn gốc động vật nhỏ hơn 50% thì áp dụng như các quy định thực phẩm hỗn hợp có nguồn gốc thực vật.

Tất cả các sản phẩm tổng hợp có chứa sản phẩm động vật như sữa, trứng, thịt, thủy sản... phải kèm theo giấy chứng

nhận kiểm dịch động vật hoặc giấy tự xác nhận của nhà sản xuất bổ sung, các sản phẩm từ sữa phải có chứng nhận xử lý nhiệt.

Các thành phần có nguồn gốc động vật (trừ gelatin và collagen) được sử dụng để sản xuất một sản phẩm tổng hợp phải có nguồn gốc từ nước thứ ba với một kế hoạch kiểm soát dư lượng đã được phê duyệt cho các thành phần cụ thể. EU đã đưa ra mẫu giấy chứng nhận y tế theo mẫu đối với các sản phẩm tổng hợp nhập khẩu, được thực hiện từ năm 2012. Các yêu cầu chứng nhận hiện tại đối với sản phẩm hỗn hợp sẽ tiếp tục được áp dụng cho đến ngày 21/4/2021.

Theo quy định mới của EU, sau ngày 21/4/2021, yêu cầu nhập cảnh sẽ không còn dựa trên tỷ lệ phần trăm của các thành phần có nguồn gốc từ động vật mà dựa trên sức khỏe động vật hoặc nguy cơ sức khỏe cộng đồng liên kết với chính các sản phẩm tổng hợp đó.



ALGERIA YÊU CẦU CÁC NGÂN HÀNG CẢNH GIÁC HƠN TRONG VIỆC MỞ L/C

Theo chỉ đạo của Tổng thống Algeria, Hiệp hội ngân hàng và cơ sở tài chính nước này (ABEF) vừa có văn bản yêu cầu các ngân hàng trong nước cảnh giác hơn đối với các nhà nhập khẩu sử dụng tín dụng thư (L/C) trong thanh toán hóa đơn nhập khẩu.

Trong công văn ngày 15/4/2021 gửi lãnh đạo các ngân hàng và cơ sở tài chính,

ABEF yêu cầu "phải cảnh giác hơn trước khi cho phép sử dụng tín dụng thư làm phương thức thanh toán nhập khẩu" và khuyến nghị các ngân hàng "cần tìm hiểu rõ khách hàng muốn dùng L/C". Công văn nhấn mạnh "Việc thanh toán nhập khẩu bằng L/C diễn ra khi ngân hàng người mua nhận được bộ chứng từ, tức là trước khi thông quan hàng hóa".

THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THẾ GIỚI

Theo một số chuyên gia ngân hàng, chính quyền Algeria muốn áp đặt việc kiểm soát nhiều hơn đối với các hoạt động nhập khẩu thanh toán bằng thư tín dụng, đồng thời khuyến khích quay lại hình thức thanh toán nhờ thu kèm chứng từ hoặc chuyển tiền tự do là những phương thức được thực hiện sau khi thông quan hàng hóa.

Mục tiêu của chỉ thị này là cần có sự kiểm soát tốt hơn việc chuyển ngoại tệ trong khuôn khổ các hoạt động nhập khẩu và tối thiểu hóa các hành vi gian lận, mua bán bất hợp pháp từ phía doanh nghiệp nhập khẩu, những người có thể chuyển tiền ra nước ngoài trước khi hàng đến cảng Algeria.

Hiện nay, phương thức thư tín dụng không hủy ngang có xác nhận được đa số doanh nghiệp nhập khẩu Algeria sử

dụng, là một công cụ bảo đảm thanh toán cho nhà xuất khẩu sang Algeria nhưng lại ít bảo đảm cho khách hàng nước này vì họ chỉ có thể tiếp cận hàng hóa sau khi đã thanh toán tiền hàng. Việc này dẫn tới rủi ro về chất lượng sản phẩm, thậm chí không giao hàng trên thực tế. Vì vậy, trong Luật tài chính 2021, chính phủ Algeria đã quy định việc thanh toán chậm 45 ngày đối với một số mặt hàng nhập khẩu để bán lại nguyên trạng nhằm bảo đảm cho hải quan có thời gian kiểm tra hàng sao cho phù hợp với nội dung bộ chứng từ.

Tại Algeria, tín dụng thư (L/C) từng được quy định là phương thức thanh toán xuất nhập khẩu duy nhất trong Luật tài chính bổ sung năm 2009, nhưng sau đó chỉ áp dụng bắt buộc đối với một số loại hàng hóa nhập khẩu phục vụ tiêu dùng cuối cùng.

NHẬP KHẨU HÀNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN VÀO BRAXIN TĂNG 14,6% TRONG 2 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Năm 2020, dịch Covid-19 đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế Braxin, khiến GDP của Braxin giảm 4,1%. Tăng trưởng nhiều ngành kinh tế của Braxin giảm, trong đó, trong đó, ngành công nghiệp giảm 3,5%, dịch vụ giảm 4,5% và xây dựng giảm 7%. Tuy vậy, ngành nông nghiệp của Braxin không bị tác động nhiều bởi đại dịch, vẫn tăng trưởng 2% nhờ xuất khẩu tăng, giá lương thực trên thị trường quốc tế cao hơn và thu hoạch kỷ lục các sản

phẩm như đậu nành và cà phê... Điều này cho thấy ngành nông nghiệp vẫn là lĩnh vực chính thúc đẩy kinh tế Braxin trong năm 2020.

Mặc dù mạnh về nông nghiệp nhưng hàng năm Braxin vẫn nhập khẩu một lượng lớn các sản phẩm nông nghiệp để phục vụ tiêu thụ trong nước và tái xuất khẩu. Nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Braxin đạt khoảng 8,3-9,2 tỷ USD trong giai đoạn 2016-2020, chiếm 4,8-6,7% tổng trị giá nhập khẩu hàng hóa vào Braxin.

Năm 2020, ảnh hưởng của dịch Covid-19 khiến nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Braxin giảm. Theo dữ liệu từ Trung tâm Thương mại Quốc tế, nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Braxin đạt 8,343 tỷ USD, giảm 5,2% so với năm 2019.



Trong 2 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Braxin đạt 1,659 tỷ USD, tăng 14,6% so với cùng kỳ năm 2020. Nguyên nhân khiến nhập khẩu nhóm hàng trên vào Braxin tăng là do nhập khẩu mặt hàng ngũ cốc vào Braxin tăng khá mạnh (tăng 40,9% trong 2 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020) khi Chính phủ Braxin đã đưa ra quyết định đưa thuế nhập khẩu ngô và đậu tương về 0% đến ngày 31/3/2021.

Hiện ngũ cốc là mặt hàng Braxin nhập khẩu nhiều nhất trong nhóm hàng nông, lâm, thủy sản nhập khẩu vào nước này, chiếm 27,4% tỷ trọng, tiếp đến là cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác chiếm 11,9%.

Ngoài ngũ cốc, nhập khẩu nhiều mặt hàng thuộc nhóm hàng nông, lâm thủy sản vào Braxin tăng khá mạnh trong 2 tháng đầu năm 2021 như: sữa và các sản phẩm từ sữa, trứng chim và trứng gia cầm; mật ong tự nhiên, sản phẩm ăn được gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác tăng 56,7%; hạt và quả có dầu, các loại ngũ cốc, hạt và quả khác, cây công nghiệp hoặc cây dược liệu... tăng 49,8%; gỗ nguyên liệu tăng 27,1%; các sản phẩm chế biến từ thịt, cá, động vật giáp xác hay động vật thân mềm, hoặc động vật không xương sống sống dưới nước khác tăng 64,2% (trong đó, thủy sản chế biến tăng 62%); cây sống và các loại cây

trồng khác, củ, rễ và loại tương tự; cành hoa và cành lá trang trí tăng 15,5%; đồ nội thất bằng gỗ tăng 19,4% ...

Đối với Việt Nam, theo dữ liệu từ Trung tâm Thương mại Quốc tế, hiện tỷ trọng hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam tại Braxin chỉ chiếm khoảng 1,2-1,3%, ở mức thấp so với tổng nhập khẩu nhóm hàng này của Braxin.

Tuy vậy, nhiều mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam vẫn đang chiếm ưu thế tại Braxin khi tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam tăng như cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác tăng lên 7,3% trong 2 tháng đầu năm 2021 từ 5,9% trong 2 tháng đầu năm 2020; cao su thiên nhiên tăng lên 2,5% từ mức 2,1%; cà phê, chè và các loại gia vị tăng lên 5,65% từ mức 2,98%; đáng chú ý, Việt Nam là nguồn cung duy nhất mặt hàng hạt điều cho Braxin trong 2 tháng đầu năm 2021.

Mặc dù nền kinh tế lớn nhất khu vực Mỹ Latinh đang phải đối mặt với làn sóng thứ hai của dịch bệnh và dự báo tăng trưởng kinh tế của Braxin đã được các định chế tài chính điều chỉnh giảm xuống 3,17% trong năm 2021, tuy nhiên, các chính sách hỗ trợ từ phía Chính phủ Braxin sẽ là yếu tố quan trọng thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng của các hộ gia đình Braxin trong thời gian tới, góp phần làm tăng nhập khẩu hàng hóa của nước này.

Các mặt hàng nông, lâm, thủy sản nhập khẩu vào Braxin trong 2 tháng đầu năm 2021

HS	Mặt hàng	Braxin nhập khẩu từ thế giới (nghìn USD)		So sánh (%)	Tỷ trọng hàng Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Braxin (%)	
		2 tháng năm 2021	2 tháng năm 2020		2 tháng năm 2021	2 tháng năm 2020
	Tổng	1.659.869	1.448.025	14,6	1,205	1,316
10	Ngũ cốc	454.128	322.320	40,9	0,003	0,031
1006	Gạo	70.264	36.232	93,9	0,021	0,279
03	Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác	197.334	235.739	-16,3	7,322	5,911

HS	Mặt hàng	Braxin nhập khẩu từ thế giới (nghìn USD)		So sánh (%)	Tỷ trọng hàng Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Braxin (%)	
		2 tháng năm 2021	2 tháng năm 2020		2 tháng năm 2021	2 tháng năm 2020
		11	Các sản phẩm xay xát; malt; tinh bột, inulin, gluten lúa mì		157.427	95.667
40	Cao su thiên nhiên	155.076	145.276	6,7	2,588	2,128
04	Sữa và các sản phẩm từ sữa, trứng chim và trứng gia cầm; mật ong tự nhiên, sản phẩm ăn được gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	108.538	69.270	56,7		
20	Sản phẩm chế biến từ rau, quả, hạt và các phần khác của cây	89.974	87.142	3,2	0,119	0,609
12	Hạt và quả có dầu, các loại ngũ cốc, hạt và quả khác, cây công nghiệp hoặc cây dược liệu...	89.906	60.018	49,8		
18	Ca cao và các chế phẩm từ ca cao	82.401	91.506	-10,0	0,013	0,009
08	Quả và quả hạch ăn được, vỏ quả thuộc chi cam quýt hoặc các loại dưa	78.761	83.514	-5,7	0,061	0,487
	Hạt điều	29	63	-54,0	100,000	100,000
07	Rau và một số loại củ, thân củ, rễ ăn được	64.609	93.589	-31,0	0,002	
02	Thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ	53.250	48.506	9,8		
05	Sản phẩm gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở các nơi khác	36.810	36.603	0,6		
44	Gỗ nguyên liệu	22.223	17.484	27,1	0,225	0,503
09	Cà phê, chè và các loại gia vị	19.468	21.886	-11,0	5,650	2,988
0901	Cà phê	10.080	14.165	-28,8		
	Chè	662	642	3,1		
	Hạt tiêu	154	146	5,5	27,273	57,534
16	Các sản phẩm chế biến từ thịt, cá, động vật giáp xác hay động vật thân mềm, hoặc động vật không xương sống sống dưới nước khác	11.581	7.052	64,2		
	Thủy sản chế biến	10.594	6.539	62,0		
06	Cây sống và các loại cây trồng khác, củ, rễ và loại tương tự; cành hoa và cành lá trang trí	6.528	5.652	15,5		
94	Đồ nội thất bằng gỗ	2.213	1.854	19,4	1,039	9,277
21	Chất chiết xuất, tinh chất và chất cô đặc, từ cà phê, chè và các chế phẩm có thành phần cơ bản từ các sản phẩm trên	2.037	2.173	-6,3		
01	Động vật sống	1.965	1.368	43,6		

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

GIÁ NÔNG SẢN THẾ GIỚI BẬT TĂNG TRỞ LẠI TRONG THÁNG 4/2021

Sau khi giảm vào tháng 3/2021, giá nhiều mặt hàng nông sản trên thị trường thế giới đã tăng trở lại trong tháng 4/2021.

Tại Mỹ, giá ngô giao dịch trên sàn Chicago tăng lên mức cao nhất gần 8 năm do lo ngại về nguồn cung toàn cầu bị ảnh hưởng bởi thời tiết bất lợi ở một số khu vực trồng trọt chính.

Cụ thể, tính đến phiên giao dịch ngày 24/4/2021, giá ngô kỳ hạn tháng 5/2021 đã tăng 14,5% so với cuối tháng 3/2021 lên 632,5 UScent/bushel. Thời tiết lạnh làm gia tăng lo ngại quá trình này mầm của ngô tại Mỹ sẽ chậm lại.

Giá đậu tương kỳ hạn tháng 5/2021 trên sàn Chicago cũng tăng 8,3% so với cuối tháng 3/2021 lên 1.516 UScent/bushel - mức cao nhất kể từ tháng 6/2014.

Giá lúa mì kỳ hạn tháng 5/2021 trên sàn Chicago tăng 16,1% ở mức 712,3 UScent/bushel.

Hiện các nhà xuất khẩu lúa mì đang đấu thầu cho hoạt động xuất khẩu lúa mì ở niên vụ mới. Trong khi đó, Liên bang Nga dự kiến sẽ áp đặt một mức thuế xuất khẩu lúa mì theo công thức kể từ ngày 2/6/2021, mức thuế này sẽ được ấn định hàng tuần và thay thế mức thuế cố định 50 Euros/tấn.

Trên thị trường đường, giá đường thô tăng 11,1% trong tháng 4/2021, lên mức 16,9 UScent/lb. Tuy nhiên, giá đường có khả năng sẽ giảm trong những tuần tới khi tiêu thụ đường Ấn Độ trong mùa cao điểm sẽ giảm năm thứ 2 liên tiếp, sau khi các bang khác nhau áp đặt các hạn chế nhằm ngăn chặn sự lây lan của dịch Covid-19.

Giá cà phê trên hai sàn giao dịch cũng tăng trong tháng 4/2021. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch ngày 24/4/2021, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2021 đạt 138,5 UScent/lb, tăng 7,8% so với cuối tháng 3/2021. Tương tự, giá cà phê Robusta tăng 1,5% lên mức 1.385 USD/tấn.

Thị trường tiếp tục nhận được hỗ trợ từ triển vọng nguồn cung giảm trong niên vụ 2021/22, do vụ thu hoạch cà phê của Braxin có thể thấp hơn vụ trước.

Theo khảo sát của hãng tư vấn Safras & Mercado, tính đến ngày 13/4/2021, nông dân Braxin đã bán được 90% sản lượng cà phê niên vụ 2020/21 của nước này. Tốc độ thương mại năm nay tăng nhẹ so với cùng kỳ niên vụ trước (mức 89%) và cao hơn so với trung bình 5 năm (mức 88%).

Tuy nhiên, đà tăng giá phần nào bị hạn chế khi dịch Covid-19 bùng phát mạnh trở lại tại nhiều nước. Đại dịch Covid-19 bùng phát lần thứ 3 khiến các thành viên của khối Eurozone tiếp tục hạn chế các hoạt động xã hội.

Giá gạo châu Á có xu hướng giảm trong tháng 4/2021 do đồng Rupee và đồng Baht yếu so với đồng USD.

Tại Ấn Độ, giá gạo đỏ Ấn Độ 5% tẩm chào bán ở mức 386 – 390 USD/tấn, là mức thấp nhất kể từ ngày 21/1/2021 và giảm 13 USD/tấn so với cuối tháng 3/2021. Đồng Rupee yếu đi là một phần nguyên nhân, trong khi nhu cầu từ khách hàng châu Phi cũng đang giảm.

Giá gạo trắng 5% tẩm của Thái Lan cũng giảm xuống còn 467 – 500 USD/tấn từ mức 500 – 518 USD/tấn của cuối tháng 3/2021. Bangladesh đã ký một biên bản ghi nhớ với Thái Lan để nhập khẩu tới 10 triệu tấn gạo từ nay tới năm 2026.

Trên thị trường cao su, giá cao su trên sàn giao dịch Tocom của Nhật Bản tiếp tục giảm 1,1% so với tháng trước, xuống còn 167,3 JPY/kg. Mặc dù nhu cầu tiêu thụ cao su tại Trung Quốc đang khá tốt nhưng giá cao su vẫn giảm do tâm lý lo ngại số ca nhiễm Covid - 19 gia tăng nhanh trên toàn cầu và thông tin Thái Lan có kế hoạch bán 100.000 tấn cao su trong kho dự trữ.

Theo Hiệp hội các nước sản xuất cao su thiên nhiên (ANRPC), sản lượng cao su tự nhiên toàn cầu trong tháng 3/2021 ước tính tăng 1,3% so với cùng kỳ năm ngoái lên 910 nghìn tấn; Tiêu thụ ước tính tăng 7,4% so với cùng kỳ năm 2020 lên 1,234 triệu tấn.

Tham khảo giá một số nông sản thế giới ngày 24/4/2021

Hàng hóa	ĐVT	Ngày 24/4/2021	So với ngày 27/3/2021 (%)	So với cuối năm 2020 (%)	So với cùng kỳ năm 2020 (%)
Ngô CBOT	UScent/bushel	632,5	14,5	39,2	102,5
Lúa mì CBOT	UScent/bushel	712,3	16,1	13,3	36,2
Lúa mạch	UScent/bushel	403,3	7,5	19,2	42,3
Đậu tương	UScent/bushel	1.516,0	8,3	19,4	81,8
Khô đậu tương	USD/tấn	425,8	5,4	1,7	46,5
Dầu đậu tương	UScent/bushel	58,8	12,0	43,5	132,3
Hạt cải	CAD/tấn	692,5	14,7	10,2	50,3
Ca cao	USD/tấn	2.450,0	-0,3	-5,5	5,2
Đường thô	UScent/lb	16,9	11,1	13,3	83,5
Nước cam	UScent/lb	116,0	4,3	-4,7	3,3
Cà phê Robusta	USD/tấn	1.385,0	1,5	1,2	23,7
Cà phê Arabica	UScent/lb	138,5	7,8	10,0	30,4
Gỗ xẻ	USD/1000 board feet	1.238,6	30,0	58,0	301,6
Gạo đỏ 5% tấm Ấn Độ	USD/tấn	390,0	-3,2	0,8	2,9
Gạo trắng 5% tấm Thái Lan	USD/tấn	500,0	-3,5	-3,8	-10,1
Cao su Tocom	JPY/kg	167,3	-1,1	9,4	11,3

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

TIN VĂN

► Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Thái Lan, hai tháng đầu năm 2021, xuất khẩu cao su (mã HS: 4001; 4002; 4003; 4005) của Thái Lan đạt 795.580 tấn, trị giá 39,23 tỷ Baht, tương đương 1,25 tỷ USD, giảm 14,3% về lượng, nhưng tăng 2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Trung Quốc, Malaysia, Nhật Bản, Mỹ và Ấn Độ là 5 thị trường xuất khẩu cao su lớn nhất của Thái Lan trong 2 tháng đầu năm 2021.

► Trong báo cáo mới nhất của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), cơ quan này đã hạ dự báo nhập khẩu gạo của Philippines trong năm 2021 xuống mức 2 triệu tấn, giảm 200 nghìn tấn so với dự báo trước đó và thấp hơn 450 nghìn tấn so với 2,45 triệu tấn trong năm 2020. USDA hạ dự báo nhập khẩu gạo của Philippines dựa trên vụ mùa kỷ lục của nước này và tốc độ nhập khẩu chậm hơn dự kiến trong quý đầu tiên của năm 2021.

► Theo Hiệp hội Xuất khẩu cà phê Brazil (Cecafe), xuất khẩu cà phê của nước này trong quý đầu tiên của năm 2021 đạt 11 triệu bao (1 bao = 60 kg), tăng 10,4% so với cùng kỳ năm ngoái.

► Liên đoàn người trồng cà phê Colombia, (FNC) công bố số liệu cho thấy, trong quý I/2021, lượng cà phê xuất khẩu của Colombia ra thế giới đạt 3,5 triệu bao, tăng hơn 13% so với 3,1 triệu bao xuất khẩu cùng kỳ năm trước. Trong 3 tháng đầu năm nay, thu hoạch cà phê của Colombia đã vượt 3,2 triệu bao, tăng 13% so với gần 2,9 triệu bao của quý I/2020.



► Theo Tổ chức Nông Lương Liên hợp quốc (FAO), giá thực phẩm toàn cầu đã tăng trong tháng 3/2021, đánh dấu mức tăng hàng tháng thứ 10 liên tiếp, với giá dầu thực vật và các sản phẩm từ sữa dẫn đầu đà tăng. Cụ thể, chỉ số giá lương thực FAO đạt trung bình 118,5 điểm trong tháng 3/2021, cao hơn 2,1% so với tháng 2/2021 và đạt mức cao nhất kể từ tháng 6/2014.